

Tái tạo không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh đổi mới

Hoàng Văn Chung¹

¹ Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: vanchung.hoang@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 2 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Tóm tắt: Dựa trên các dữ liệu thu thập được đối với thực tiễn các hoạt động làm biến đổi không gian thiêng thuộc tôn giáo truyền thống ở đồng bằng sông Hồng, chúng tôi nêu giả thuyết rằng đã diễn ra một quá trình gọi là tái tạo không gian thiêng ở khu vực này. Bài viết phân tích, làm rõ các đặc điểm và thành tố của quá trình đó. Nghiên cứu này đóng góp cho cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu về biến đổi tôn giáo truyền thống hiện nay ở khu vực đồng bằng sông Hồng.

Từ khóa: Không gian thiêng, đồng bằng sông Hồng, đổi mới.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Based on the collected data on the activities that transform the sacred spaces of traditional religion in the Red River Delta, we hypothesise that a process called "the reinvention of the sacred space" took place in the area. The paper analyses and clarifies the features and components of the process. This research contributes to the theoretical and practical bases in the study on the current traditional religion change in the Red River Delta.

Keywords: Sacred space, Red River Delta, renovation.

Subject classification: Religious studies

1. Mở đầu

Nhiều nghiên cứu gần đây về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng cho thấy, có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ của các niềm tin và thực hành, hướng tới

các lực lượng siêu nhiên hay cái thiêng. Sự phục hồi và phát triển ấy không chỉ là sự trở lại của những niềm tin tôn giáo đã biết, sự xuất hiện những niềm tin tôn giáo mới mẻ, mà còn tác động đến các không gian và kiến trúc vật chất nơi người dân thờ cúng các đối tượng thiêng, gọi là các không gian

thiêng. Có thể nói, từ khi công cuộc Đổi mới được bắt đầu, đi cùng với những thay đổi lớn về chính sách và pháp luật đối với tôn giáo, tín ngưỡng, các không gian thiêng chịu những tác động mạnh mẽ và sâu sắc hơn giai đoạn trước đó.

Qua khảo sát trong 2 năm (2019-2020) tại 5 tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, chúng tôi đã đưa ra một khái quát về đặc điểm của các không gian thiêng thuộc tín ngưỡng dân gian ở khu vực này, và chỉ ra các yếu tố (tự nhiên và con người) đã tác động vào các không gian ấy, đặc biệt trong bối cảnh Đổi mới. Các tác động ấy đến từ các nhóm hoạt động tiêu biểu gồm: phục dựng, sửa chữa, nâng cấp và xây mới [1].

Bài viết mở rộng mạch nghiên cứu về biến đổi không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng hiện nay, xuất phát với lập luận rằng, yếu tố con người thể hiện qua những hoạt động làm biến đổi các không gian thiêng công cộng thuộc tôn giáo truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng đã mạnh mẽ và sâu rộng tới mức diễn ra một quá trình tái tạo không gian thiêng.

2. Quá trình tái tạo không gian thiêng trong bối cảnh Đổi mới

2.1. Bối cảnh chung về biến đổi của đời sống văn hóa và tôn giáo

Trong những thập niên vừa qua, văn hóa truyền thống ở Việt Nam nói chung có rất nhiều biến đổi. Nổi bật là những hành vi tái tạo văn hóa truyền thống và động cơ, mục đích được cho là nhằm thích ứng những yếu tố thuộc truyền thống với bối cảnh xã hội hiện đại. Lý luận của Eric Hobsbawm và cộng sự về “tái tạo truyền thống” [4, tr.1],

[16] cũng cho thấy, cơ sở thực tiễn khi soi chiếu vào biến đổi của đời sống văn hóa ở Việt Nam trong những thập niên gần đây. Các lễ hội văn hóa, các nghi lễ liên quan đến vòng đời, đặc biệt đám cưới và đám tang, đều được “chuẩn hóa” theo nghĩa là viết lại “kịch bản” theo các yêu cầu của các chương trình văn hóa mới do nhà nước chủ trương, lại vừa được tùy biến theo khả năng kinh tế của người dân. Quá trình ấy đã tước bỏ đi nhiều chi tiết được cho là thuộc về hủ tục, lạc hậu, gây lãng phí, hoặc đơn giản là không còn phù hợp với xã hội đương thời. Sau một thời gian, nghi lễ theo lối mới hình thành, dần trở nên ổn định và phổ biến. Tái tạo văn hóa truyền thống chứng kiến sự hiện diện của các nhân tố chủ đạo như nhà nước (thông qua các chương trình văn hóa, định hướng và đổi mới đời sống văn hóa, qua công tác quản lý hoạt động văn hóa và di sản văn hóa...), các cộng đồng dân cư địa phương, giới trí thức nói chung và các nhà khoa học nói riêng... Điều này được nhiều nhà nghiên cứu làm rõ ở khu vực miền Bắc trong giai đoạn gần đây. Shaun Malarney qua điền dã nhiều năm ở làng Thịnh Liệt (Hà Nội) giai đoạn đầu Đổi mới đã chỉ ra những nỗ lực của các nhân tố theo phân loại đa dạng (nam, nữ, người già, người trẻ, đảng viên, người nông dân, trí thức) trong tái tạo và định nghĩa lại nghi lễ và văn hóa, đặc biệt là tang lễ và nghi lễ tín ngưỡng nơi cộng đồng. Ông cũng làm rõ vai trò của nghi lễ và văn hóa trong hỗ trợ người dân ứng phó với những quan ngại mang tính hiện sinh mà cuộc sống trong bối cảnh mới mang lại [5]. Lương Văn Hy và Trương Huyền Chi, qua nghiên cứu đời sống lễ hội làng xã và cụ thể là hội làng ở Hoài Thị, đã chỉ ra sự song hành của hành vi “tu sửa và tái tạo không gian lễ nghi cộng

đồng” với “tái tạo và sáng tạo lễ nghi ở đình và chùa”. Họ lập luận rằng: (i) sáng tạo truyền thống là một tiến trình liên tục, có sự sáng tạo nhưng cũng có những nguyên tắc, những quy luật văn hóa xã hội ít ai đặt vấn đề sửa đổi, hay tái tạo vì đã chấp nhận chúng như một phần hiển nhiên của cuộc sống làng xã; (ii) tiến trình sáng tạo truyền thống là kết quả của sự thương thảo giữa nhiều nhân tố khác nhau và mức độ và phạm vi khác nhau; (iii) tiến trình thương thảo ở cấp cộng đồng luôn không tuân thủ một khuôn mẫu nhất định [2, tr.246-247]. Họ kết luận rằng: “truyền thống là một tiến trình sáng tạo không ngừng”. Từ luận giải các lý thuyết kết hợp với khảo cứu thực tiễn, họ khái luận rằng: “truyền thống như một quá trình chọn lọc có chủ ý của những nguồn năng động, đã từng đóng vai trò dẫn dắt trong việc tạo dựng quá khứ, nối quá khứ với hiện tại, tạo dựng tương lai” [2, tr.273]. Trong khi đó, John Kleinen khi nghiên cứu về những thay đổi ở làng Tó (Hà Nội) qua góc nhìn văn hóa - xã hội đã minh chứng về một sự “tái cấu trúc truyền thống vùng nông thôn”, trong đó “truyền thống được phát minh” đóng vai trò chủ đạo. Tác giả đề xuất một cách nói khác, là “quá trình tái cấu trúc văn hóa địa phương” trong đó các yếu tố cũ và mới cùng cấu thành một loại diễn ngôn địa phương mới [5, tr.11]. Điểm chung của các nghiên cứu nêu trên cho thấy sự chuyển đổi mau chóng của bối cảnh sống rõ ràng tạo ra những quan ngại, nói cách khác, là những sức ép mới. Để vượt qua những sức ép ấy, người ta sẽ thực hiện nhiều chiến lược khác nhau, nhưng về mặt đời sống tinh thần, thì tái sáng tạo lại văn hóa, nghi lễ truyền thống, không gian cho thực hành văn hóa

và nghi lễ là một trong những cách phổ biến. Sự tái tạo ấy vừa đáp ứng các nguyện vọng ẩn sâu và lâu dài mà chỉ từ sau Đổi mới mới được bộc lộ một cách thoải mái, vừa để phù hợp với những nhu cầu mới vốn chỉ xuất hiện trong thời hiện đại.

Trong sự chuyển mình của đời sống văn hóa, đời sống tôn giáo cũng có nhiều vận động rất đáng lưu ý. Ở nước ta, đời sống tôn giáo từ Đổi mới đến nay, những xu hướng hay quá trình có tính phổ biến nhất có thể nêu ra gồm: phục hồi tôn giáo, đa dạng hóa tôn giáo, gắn thực hành tôn giáo với nhu cầu tìm kiếm an toàn hiện sinh. Những quá trình đồng thời diễn ra nêu trên có một hệ quả rất đáng chú ý đối với đời sống tôn giáo ở Việt Nam. Có thể nói, đã diễn ra một quá trình tái cấu trúc tôn giáo. Quá trình tái cấu trúc tôn giáo này là mạnh mẽ, bởi nó làm phát sinh hoặc tiếp sức cho các quá trình khác nhỏ hơn như tái sáng tạo tôn giáo, thích hợp hóa tôn giáo với tính hiện đại hay giải thể tục hóa. Tái cấu trúc tôn giáo như quan sát ở Việt Nam vừa là hệ quả của điều chỉnh chính sách, vừa đặt ra những đòi hỏi cho việc tiếp tục điều chỉnh chính sách, quá trình có sự tham gia của cả nhân tố nhà nước và phi nhà nước, tôn giáo và phi tôn giáo mà động cơ, mục đích và nghị trình hành động là không luôn tương đồng với nhau [3].

2.2. Tái tạo không gian thiêng

Từ phân tích dữ liệu thu thập được, chúng tôi đi đến nhận định rằng, đã diễn ra một quá trình được gọi là tái tạo không gian thiêng, được cấu thành bởi các nhóm hoạt động có sự liên hệ chặt chẽ làm biến đổi không gian thiêng.

2.2.1. Tái tạo trên phương diện ý nghĩa, giá trị và chức năng

Thứ nhất, xác định lại đối tượng và nghi lễ thờ cúng. Trước một không gian thiêng đã có sẵn, việc tái tạo không gian ấy thường bắt đầu từ việc xác định lại hoặc làm rõ đối tượng thờ cúng, tức là đối tượng thiêng. Việc này là quan trọng vì mỗi đối tượng thiêng có những đặc thù về cấu trúc không gian thờ cúng, đồ thờ và lễ hội đi kèm. Nó cũng giúp khẳng định những yếu tố thuyết phục sự đồng thuận, đóng góp công sức và tiền của của cộng đồng. Có trường hợp truy nguyên nguồn gốc, người ta mới biết đối tượng thờ cúng lâu nay là một viên quan gốc Trung Quốc, thậm chí mẹ của một nhân vật như thế trong giai đoạn Bắc thuộc; hoặc chỉ là một người từng có một khoản đóng góp khiêm tốn cho cộng đồng trong quá khứ. Trong các trường hợp này, không gian thiêng đó sẽ không được đầu tư lớn vì kém tầm quan trọng và ý nghĩa về văn hóa, chính trị. Việc xác định lại hoặc làm rõ đối tượng thờ cúng thường diễn ra từ cả phía nhà nước và phía cộng đồng dân cư địa phương. Việc xác định của Nhà nước thường căn cứ vào các hồ sơ di tích được hoàn chỉnh cũng như các thảo luận học thuật được tổ chức dưới dạng tọa đàm và hội thảo. Với người dân, việc xác định lại đối tượng thờ cúng thường xuất phát từ việc kiểm tra lại ký ức của cộng đồng, đặc biệt ký ức của những người cao tuổi vốn từng có hoặc vẫn đang phụ trách việc trông coi và thực hiện nghi lễ tại không gian thiêng của cộng đồng. Những nơi còn lưu giữ được bia, sắc phong hay bất cứ tài liệu gì có liên quan đến di tích, người dân sẽ đem đi nhờ chuyên gia chuyên dịch ra tiếng Việt. Hành vi chuẩn hóa thông tin về đối tượng

thiêng được thờ như vậy cũng chỉ diễn ra khoảng 20 năm gần đây, cùng với khả năng tài chính đã tốt hơn của cộng đồng và sự gia tăng ý thức về căn gốc văn hóa địa phương.

Có một thực tế ở vùng đồng bằng sông Hồng là, có nhiều cơ sở thờ cúng do bị mất mát tài liệu lưu trữ (bia, sắc phong, giấy chứng nhận di tích, sự lãng quên do ký ức phai mờ...) việc xác định đích xác đối tượng thờ cúng là gì thường gặp nhiều khó khăn. Như những thói quen hay thông lệ, việc thờ cúng có thể vẫn diễn ra, nhưng nhiều khi là đa số người dân không thực sự rõ họ thờ cúng đối tượng nào, tên gọi, danh hiệu và lai lịch ra sao. Trong bối cảnh phục hồi lễ hội và cơ sở thờ cúng, trong sự nhấn mạnh ý thức về bản sắc văn hóa địa phương, đi liền với nhu cầu hồ sơ hóa di tích, việc này mới đặt ra. Trong khi khảo sát thực địa tại Vĩnh Phúc, chúng tôi thấy câu chuyện này đặt ra rất rõ ở đền Chiền. Trong những năm qua, người thủ từ đã cất công đi nhiều nơi và hỏi nhiều người, đặc biệt là các nhà nghiên cứu, để nắm được lai lịch của ngôi đền và đối tượng thực sự được thờ cúng ở đó. Điều này là quan trọng đối cộng đồng dân cư địa phương vì nó liên quan đến nỗ lực xin phép và tìm kiếm sự hỗ trợ cho việc xây mới lại hoàn toàn ngôi đền này ngay tại vị trí trước đây, nay nằm trong vùng trung tâm của thành phố Vĩnh Yên. Ở Bắc Ninh, quá trình người dân địa phương thuyết phục chính quyền cho phép phục dựng lại đền Đô (còn gọi là đền thờ Lý Bát đế) ở làng Đình Bảng từ năm 1989 cũng xuất phát từ việc xác định lại nguồn gốc của ngôi đền và đối tượng thờ cúng từ xưa.

Thứ hai, việc phục dựng lại nghi lễ và thực hành nghi lễ đều đặn. Nghi lễ thường diễn ra vào 3 dịp phổ biến là các ngày sóc, vọng hàng tháng; dịp lễ hội nhằm tưởng nhớ

sự tích và tôn vinh công trạng vị thần được tôn thờ; ngày giỗ kỵ của nhân vật đó nếu có nguồn gốc con người. Kết quả là cảnh "hương tàn, khói lạnh" từng thấy trước kia ở hầu hết các không gian thiêng của tôn giáo truyền thống nay đã được thay thế bằng sự hiện diện người trông coi, thắp hương đốt nến, khách ra, vào làm lễ.

Thứ ba, xác định và khẳng định các giá trị của cơ sở thờ cúng. Đánh giá giá trị của cơ sở thờ cúng tại địa phương thường xuất phát từ giới trí thức. Việc xác định giá trị của cơ sở thờ cúng cũng là một hoạt động mà nhà nước và người dân rất quan tâm. Giá trị của một cơ sở thờ cúng trước tiên nằm ở việc nó được dựng lên để thờ cúng người có tầm quan trọng như thế nào đối với cộng đồng và với dân tộc. Tiếp đến, giá trị thể hiện ở việc nó đã có vai trò thế nào với quá trình dựng nước và giữ nước, cũng như làm cách mạng sau này. Nhiều di tích có giá trị lớn về mặt lịch sử do có sự viếng thăm hiện diện của các nhân vật chính trị lớn, hoặc của cán bộ hoạt động cách mạng sau này. Một số lớp giá trị do đó đã được khoắc lên một cơ sở thờ cúng. Hơn nữa, giá trị của cơ sở thờ cúng còn nằm ở sự độc đáo và quý hiếm của kiến trúc nghệ thuật, chi tiết trang trí. Giá trị của cơ sở thờ cúng còn biểu hiện ở các loại tượng, đồ thờ, cũng như các vật quý hiếm còn lưu giữ được. Nhiều cơ sở thờ cúng trở nên có giá trị cao trong bối cảnh ngày nay còn do yếu tố vị trí do có cảnh quan đẹp. Những giá trị ấy được đẩy mạnh nghiên cứu, đánh giá, và làm cho nổi bật hơn so với trước đây.

Thứ tư, gán thêm chức năng mới cho không gian thiêng. Đối với không gian thiêng của cộng đồng, việc gán thêm chức năng mới có thể quan sát rõ hơn nhiều. Trước tiên, đó là nơi nhà nước thực hiện

các chương trình văn hóa. Thường thì các chương trình này có mục đích bảo vệ bản sắc văn hóa, phát huy giá trị lịch sử, kiến trúc. Một số công trình nổi tiếng sẽ được chọn để thực hiện các chương trình văn hóa như thế. Dịp kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long cũng là một chương trình văn hóa mang tầm quốc gia, và nhiều không gian thiêng đã được lựa chọn để tu bổ, nâng cấp, xây mới và đưa vào hệ thống các công trình phục vụ Đại lễ này. Mục đích nổi bật nhất của các chương trình này là giáo dục về truyền thống văn hóa, bảo vệ và khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc. Hơn nữa, không gian thiêng thể hiện thêm chức năng bảo lưu và trưng bày ký ức tập thể. Điều này có thể quan sát rõ với không gian thiêng của cộng đồng. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các ngôi đình, miếu, đền là kết tinh của triết lý về vũ trụ, kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, nghệ thuật tạo hình... Mặt khác, với các không gian thiêng có tầm quan trọng lớn lao, được chính quyền trung ương và địa phương chăm lo, thì cứ sau mỗi lần tôn tạo lại khoắc lên chúng một "lớp văn hóa". Kết quả là, nếu bóc tách dần dần từng phần đối với một di tích được bảo lưu lâu đời, người ta có thể thấy các lớp lang kiến trúc phản ánh xu thế văn hóa đương thời khác nhau. Bên cạnh đó, các không gian thiêng sau khi được nâng cấp thường hướng tới việc tạo địa điểm và thúc đẩy giao tiếp xã hội, cố kết cộng đồng. Trong truyền thống, sân đình là một địa điểm công cộng, nơi người dân làng gặp gỡ, trao đổi, giải quyết những việc riêng - chung. Có thể nói, đó là môi trường cho hầu hết mọi giao tiếp xã hội. Mặt khác, những dịp lễ hội, cả làng có chung một mục tiêu là đánh thức cái thiêng để có được thời tiết thuận lợi, mùa màng bội thu, người dân thoát

khỏi tai ương, dịch bệnh. Vào thời điểm ấy, việc chuẩn bị và thực hiện nghi lễ gắn kết các thành viên trong làng. Tiếp theo, các không gian thiêng được gán thêm chức năng là nơi chốn để thư giãn, giải trí và rèn luyện sức khỏe. Đây là những gì mà chúng tôi mới quan sát được. Đến với không gian thiêng, có nhiều người không hẳn đặt mục tiêu đi lễ lên hàng đầu. Họ cần một không gian rộng và yên tĩnh để tìm kiếm lại sự cân bằng tâm lý sau những căng thẳng hay xáo trộn đời thường, là hệ quả của việc dần thân vào đời sống thế tục. Đáng chú ý là, các không gian thiêng được nâng cấp có chức năng quảng bá văn hóa địa phương, kích thích du lịch, giúp cải thiện kinh tế địa phương qua thu hút du lịch và cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đây cũng là điểm khá mới. Nhiều địa phương như: Ninh Bình, Hải Dương, Bắc Ninh... đã hình thành những cụm công trình tôn giáo - tín ngưỡng, mở đường, tạo tuyến để các khu vực này có thể dễ được kết nối với nhau hơn. Việc đón khách du lịch được cho là quan trọng trong bối cảnh người ta nhìn thấy tiềm năng to lớn của việc đầu tư vào ngành công nghiệp dịch vụ. Với nhiều địa phương, những di tích tôn giáo nổi tiếng đã là những “con gà đẻ trứng vàng”. Kinh tế địa phương khá lên do người dân sản xuất hàng hóa tôn giáo (biểu tượng, vật mang lại may mắn...), cung cấp các dịch vụ cho người đi lễ, hoặc thu tiền vé thăm quan di tích và tiền công đức. Như thế, bên cạnh những chức năng cổ hữu như từng ghi nhận trước đây, bao gồm thỏa mãn nhu cầu tôn giáo, bảo lưu văn hóa, đoàn kết cộng đồng, phân xử tranh chấp và tiếp nhận chỉ thị hành chính của triều đình (với đình làng), những chức năng mới được gán thêm có thể chỉ ra, như là địa điểm để triển khai những

chương trình văn hóa mới; giải trí; giáo dục các giá trị truyền thống; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; thúc đẩy du lịch và dịch vụ... Sự thay đổi theo hướng gia tăng chức năng đương nhiên đòi hỏi một không gian thiêng cần phải được tái cấu trúc lại cho phù hợp.

2.2.2. Tái tạo trên phương diện cấu trúc vật chất

Thứ nhất, phục dựng không gian thiêng đã có. Khi đặt ra việc phục dựng hay sửa chữa đối với một không gian thiêng cụ thể, người ta thường nhấn mạnh sự phục dựng cái nguyên bản từng được ghi nhận trước đây. Tuy nhiên, quan niệm việc “phục dựng nguyên bản” khá khác nhau từ góc nhìn của các nhân tố khác nhau liên quan đến quá trình phục dựng. Về phía nhà nước, phục dựng tính nguyên bản là để bảo vệ và phát huy những giá trị về kiến trúc, lịch sử và văn hóa của một di tích. Do đó, nếu một công trình đã được chọn để phục dựng hay sửa chữa, nhà nước thường đầu tư những khoản tiền rất lớn cho khâu xây dựng đề án, tham vấn ý kiến chuyên gia, tính toán về kỹ thuật, và triển khai thi công dưới sự giám sát chặt chẽ. Trong khi đó, từ phía người dân, sự nhấn mạnh vào “tính nguyên bản và nguyên trạng” có lý do từ niềm tin rằng những gì các thế hệ trước đã làm đã là chuẩn mực (về vị trí, hướng, các kích cỡ, chất liệu và trang trí), nếu tự ý làm khác đi có thể mất đi tính thiêng và khi đó nghi lễ không còn ý nghĩa. Việc mất đi hay suy giảm tính thiêng nghĩa là đáng thiêng họ thờ phụng mất đi quyền năng của mình, hoặc có thể sự trừng phạt họ vì sự đụng chạm vào không gian thiêng không đúng cách. Chúng tôi quan sát thấy người dân ở đâu cũng rất thận trọng trong việc tác động

đến không gian thiêng, dù là hành vi tu sửa nhỏ, hay là nâng cấp lớn. Trước khi tiến hành bất cứ hành vi nào can thiệp vào kết cấu vật chất của không gian thiêng, thường diễn ra nhiều bàn bạc trong nội bộ cộng đồng, đồng thời là việc tham vấn các ý kiến của chuyên gia về sử học, khảo cổ học, văn hóa học và tôn giáo học. Khi tiến hành hoạt động phục dựng hay nâng cấp, đều có nghi lễ được thực hiện rất nghiêm cẩn. Do đó, các hoạt động tác động đến không gian thiêng luôn đòi hỏi sự nhất trí và đồng thuận từ trước của toàn thể cộng đồng. Một trưởng dòng họ lớn ở Vĩnh Phúc kể lại về quá trình phục dựng nhà thờ của dòng họ mình như sau: “Quan điểm của chúng tôi là các cụ ngày xưa như thế nào, chúng tôi chỉ được phép làm thế. Làm khác đi thì phạm thượng, mà phạm thượng thì con cháu bắt hiếu. Chúng tôi lấy hiếu làm đầu. Không ai dám nghĩ đến chuyện làm sai. Làm to làm đẹp quá cũng làm mất dáng vẻ của người Việt đi”.

Mặc dù người dân cũng rất coi trọng việc giữ được tính nguyên bản của các không gian thiêng, trên thực tế thì việc này không hề dễ dàng bởi các lý do khách quan và chủ quan, chủ yếu liên quan đến kinh phí, nguồn lực, cũng như việc có tìm được những thông tin tin cậy về không gian thiêng ngay khi nó được xây dựng hay không. Một cụ thủ từ tại một ngôi đình ở Hoàng Mai, Tp. Hà Nội chia sẻ với chúng tôi về hiện trạng của không gian thiêng này sau quá trình phục hồi: “Tuồng được xây lại, ngói lợp lại, và cột được thay thế. Trước đây cột làm bằng gỗ to, nhưng cột lim để ngoài trời mưa nắng hồng nên phải thay thế bằng chất liệu khác (lỡ là bê tông cốt thép, vữa sơn giả màu gỗ). Đồ thờ cũ bị mất hết, năm 2002 mua mới toàn bộ. Chỉ còn mấy bức hoành phi vẫn còn giữ được”. Một lý

do chủ quan khác là, cộng đồng dân cư có xu hướng phục dựng theo hướng phải đẹp đẽ và hoành tráng hơn trước, vì họ thực sự muốn nhấn mạnh rằng, với quyền uy và công trạng của mình, các vị thần, thánh xứng đáng được thờ phụng trong một không gian sang trọng và đẹp đẽ nhất mà họ có thể tạo ra. Niềm tự hào của cộng đồng có nhiều mối liên hệ trực tiếp đến việc sở hữu các không gian thiêng trông ấn tượng tới mức nào.

Thứ hai, nâng cấp không gian thiêng đã có. Hoạt động này ở đây được hiểu là nâng cấp theo hướng gia tăng độ bền vững, vẻ đẹp, mở rộng về quy mô (diện tích) và tăng thêm công năng của di tích. Các công trình được đầu tư nâng cấp thường sẽ có việc xử lý các hạng mục xuống cấp bằng cách thay thế vật liệu (gạch, ngói, gỗ); sơn (chủ yếu là sơn công nghiệp) và trang trí lại; thiết kế thêm các không gian thờ cúng và xây các công trình phụ trợ (nơi để xe, nơi tổ chức lễ hội, nơi đón tiếp khách, nơi chuẩn bị đồ lễ, nơi thư giãn). Trước đây, ở không gian thiêng, việc chiếu sáng chủ yếu dựa vào ánh sáng tự nhiên và hệ thống đèn dầu, nến... Giờ đây, việc chiếu sáng được tăng cường qua hệ thống đèn điện. Hệ thống này đòi hỏi sự hiện diện của các thiết bị điện đi kèm. Tiếp đến, có một số cổ vật (tượng, chuông, đồ thờ) buộc phải được bảo vệ. Do đó, xuất hiện những cấu kết làm bằng sắt, thép, hoặc bê tông kiên cố, bên ngoài có khóa, để chống kẻ trộm. Để phục vụ mục đích giám sát người thăm viếng, đảm bảo an ninh, nhiều công trình lắp thêm hệ thống camera. Những chi tiết này đeo bám thêm vào không gian bên trong và bên ngoài di tích, tạo thêm một lớp các đồ dùng công nghệ của thời hiện đại. Sau cùng, ở không gian thiêng đã xuất hiện

thêm lá cờ tổ quốc đặt song song với cờ thần. Đây cũng là yếu tố mới được bổ sung, mang tính thể tục rất rõ.

Thứ ba, xây các không gian thiêng mới. Với xu thế này, chúng tôi nói đến việc xây lên những không gian hoàn chỉnh và độc lập, phục vụ mục đích thờ cúng. Đối với xu thế xây mới một không gian thờ cúng như thế này, có hai hình thức chính: (1) xây mới một công trình dựa trên chứng tích và các vị thần, thánh đã được thờ cúng ở địa phương từ trước. Tiêu biểu nhất cho hình thức này là đền thờ Lý Thường Kiệt (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh). Trao đổi với Ban Quản lý di tích này, chúng tôi được biết trước đây không gian thờ Lý Thường Kiệt đã có và nằm tại đình trong làng. Đến năm 2018, một ngôi đền quy mô rất lớn được xây mới ở phía ngoài làng mang tên đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt. Tất cả đều xây mới, với chất liệu đất tiền, tức là gỗ lim nhập từ Nam Phi và đá tự nhiên vận chuyển từ Thanh Hóa. Quần thể này xây với kinh phí khoảng 254 tỷ đồng, với nguồn vốn chủ yếu của chính quyền tỉnh và doanh nghiệp. Khi được phỏng vấn về lý do tại sao các không gian thiêng giờ đây phải được mở rộng, và nếu xây mới, thì phải “hoành tráng” về quy mô ngay từ đầu, một đại diện Ban quản lý di tích giải thích rằng: “Xu thế ngày nay là phải mở rộng. Nhu cầu của các nơi về lễ và thăm quan rất lớn, nên cần đầu tư rất lớn vào không gian và cơ sở hạ tầng thì mới đáp ứng được nhu cầu của người ta”; (2) xu thế xây mới đi cùng sự xuất hiện đối tượng thờ cúng mới. Tiêu biểu nhất là không gian tưởng niệm/ thờ cúng Hồ Chí Minh. Ở Thành phố Bắc Ninh, phía sau đền bà Chúa Kho, còn có nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh đã được xây từ giai đoạn sau chiến tranh kết thúc. Điều đáng chú ý là nơi đây có bàn thờ, bát hương, câu

đôi và có người trông nom hương khói hàng ngày. Chuyện tương tự cũng thấy ở thôn Á Lữ, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành. Trong ngôi đền thờ Kinh Dương Vương trong làng, trước đây có một không gian để thờ Bác Hồ đặt ngay phía bên phải. Giờ đây, không gian ấy được rời xuống tòa nhà mới xây tách rời, hoàn thành năm 2016 ở phía bên trái. Nơi đây có tượng Bác Hồ, với đồ thờ (bát hương, đồ lễ, bộ bát bửu) thường thấy ở nơi thờ một vị thánh, hay thần thành hoàng làng. Ở Hà Nội, đền thờ Hồ Chí Minh trên núi Ba Vì (hoàn thành năm 1999) hay nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh ở khu di tích K9 (Đá Chông, Ba Vì, hoàn thành năm 2015) đều là những công trình hoàn chỉnh và độc lập của thời hiện đại, mà trong đó Bác Hồ được tưởng nhớ theo cách thức truyền thống mà người dân vẫn tôn thờ và thần thánh hóa những người có công lao lớn lao với quốc gia và dân tộc.

Ngoài ra, có những đình, chùa thiết kế thêm không gian thờ cúng liệt sĩ của làng, dù hầu như xã/ phường nào cũng đã có nghĩa trang liệt sĩ. Ở làng Giáp Tứ thuộc quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội, trong khuôn viên đình làng, người dân thiết kế thêm một không gian nhỏ nhưng trang trọng để thờ cúng những người con đã hi sinh trong những cuộc chiến tranh gần đây vì độc lập của dân tộc.

2.2.3. Tìm kiếm sự chấp nhận và hợp thức hóa sự tái tạo

Sự chấp nhận này hiểu là sự đồng ý và ủng hộ của cộng đồng dân cư với thay đổi đã tạo ra với không gian thiêng vốn là thuộc sở hữu chung. Hợp thức hóa ở đây được hiểu là quá trình tìm kiếm sự thừa nhận có tính chính thức của chính quyền đối với hành vi

làm thay đổi một không gian thiêng cụ thể. Về nguyên tắc, các công trình thờ cúng được tổ tiên để lại cần phải được giữ nguyên trạng, đặc biệt khi chúng đã được hồ sơ hóa và xếp hạng như các di tích văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng. Thực tế cho thấy, chính tại các cơ sở thờ cúng chưa được xếp hạng, việc phục dựng, tôn tạo, nâng cấp diễn ra sôi động nhất. Điều đáng chú ý hơn như báo cáo của một số tỉnh trong diện khảo sát của đề tài là sự tác động làm biến đổi không gian thiêng như thế diễn ra tự phát, thiếu quy chuẩn chung, thiếu cơ sở khoa học, thiếu tính thẩm mỹ thậm chí là sai lệch về nguyên tắc kỹ thuật và đảm bảo sự nguyên trạng.

Tất nhiên, người dân địa phương ý thức được thực tế này và họ hiểu rằng, những công trình tôn tạo có thể bị yêu cầu dỡ bỏ nếu làm sai, hoặc làm khi chưa được sự đồng ý của chính quyền. Nhưng bất kể sự hạn chế về điều kiện kinh tế và kỹ thuật, việc phục dựng hay tôn tạo vẫn diễn ra vì nhu cầu thờ cúng và bảo vệ cơ sở thờ cúng của cộng đồng là rất lớn. Vấn đề đặt ra với cộng đồng là một khi đã tác động đến cơ sở thờ cúng theo hướng làm biến đổi nó là cố gắng tìm kiếm sự chấp nhận của chính quyền, hay nói cách khác là sự hợp thức hóa những biến đổi đó. Quá trình này thành công, những biến đổi sẽ được chấp thuận. Quá trình này thất bại, nhiều rắc rối không mong muốn sẽ xảy ra. Ở đây, chúng dẫn ra ba trường hợp phục dựng và tôn tạo không gian thờ cúng mà trong đó vấn đề hợp thức hóa sự tái tạo xảy ra theo những hướng khác nhau. Thứ nhất, là trường hợp phục dựng theo hướng xây mới lại hoàn toàn một ngôi đình và đây là ví dụ cho sự hợp thức hóa không thành công. Năm 2018, người dân Lương Xá (huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội) tiến hành tự "hạ giải" và xây mới lại

hoàn toàn đình làng đã 300 năm tuổi với chất liệu là bê tông cốt thép mà chưa có ý kiến của chính quyền. Các chi tiết giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật hầu như bị loại bỏ. Đây là di tích lâu đời, đã xuống cấp nặng, và chưa được xếp hạng. Khi chính quyền phát hiện ra hành vi xây dựng lại mà chưa có sự phê duyệt về mặt nguyên tắc và kỹ thuật thì đã muộn. Theo tính toán, chi phí dựng lại ngôi đình như cũ nếu toàn bằng chất liệu gỗ sẽ mất ít nhất 50 tỷ đồng. Đây là số tiền ngoài khả năng của người dân địa phương, trong khi đó Nhà nước không thể đầu tư khi công trình chưa được xếp hạng. Vấn đề đặt ra là người dân không thể chờ công tác lập hồ sơ, xếp hạng di tích, chờ duyệt phương án thi công trong lúc công trình có thể sập xuống bất cứ khi nào. Có thể, một giải pháp được áp dụng là cứ xây dựng lại thật nhanh, để mọi thứ vào tình thế "chuyện đã xong rồi" và thế là việc hợp pháp hóa công trình sẽ diễn ra. Tuy thế, Tp. Hà Nội đã tỏ ra rất kiên quyết trong câu chuyện này, cho đình chỉ toàn bộ hoạt động xây dựng, bảo vệ các chi tiết kiến trúc quý giá, và tìm giải pháp phù hợp nhất.

Trường hợp thứ hai là sự hợp thức hóa công trình xây mới đã diễn ra theo sự cho phép của thành phố, tuân thủ các quy trình đã đặt ra nên gặp nhiều thuận lợi. Nằm ngay mặt đường quốc lộ 5, cụm di tích đền thờ và chùa Nguyên phi Ý Lan ở huyện Gia Lâm đã nổi tiếng từ lâu về tuổi đời và giá trị lịch sử - văn hóa. Theo đại diện Ban Quản lý di tích, ngay sau khi Nguyên phi qua đời năm 1017, nhân dân lập đền để thờ Bà. Kể từ năm 2010, việc trùng tu, nâng cấp ở các mức độ khác nhau liên tục diễn ra. Hiện tại, tổng diện tích của quần thể thờ Nguyên phi Ý Lan là hơn 4 héc ta, rộng hơn so với trước đây và có thêm nhiều không gian thờ cúng hơn, bao gồm Chùa (tôn tạo), Đền

(tôn tạo, mở rộng hậu cung), nhà Mẫu (xây mới), khu thờ mẫu Sơn trang (xây mới), nhà tiếp khách (xây mới), dãy hàng lang có mái che, còn gọi là ống muống (xây mới), khu tượng đài Hoàng thái hậu (xây mới). Năm 2010, nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội, tượng đài cao 9,1 m, nặng 25 tấn được hoàn thành, đặt ở phía ngoài cạnh cổng chính. Nhà nước phê duyệt ý tưởng, tài trợ 10 tỷ đồng (công trình có kinh phí 22 tỷ đồng). Ban Quản lý cũng cho biết sẽ mua thêm một mảnh đất sát đường quốc lộ, vừa để mở rộng bãi đỗ xe, vừa làm khu vui chơi, giải trí. Trường hợp này, với sự cho phép và đồng thuận của chính quyền, việc tôn tạo công trình có trước và xây thêm các công trình mới, cũng như mở rộng khuôn viên toàn di tích rất thuận lợi. Câu chuyện thứ ba là quá trình phục dựng Đền Đô (đền Lý Bát Đế) nhiều năm trước ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Đây là ngôi đền có lai lịch lâu đời, do các triều đại phong kiến xây dựng để thờ cúng các vị vua của thời Lý. Những năm thực dân Pháp chiếm đóng Từ Sơn, đình bị san phẳng, dấu tích chỉ còn là tấm bia đá bị mang ra tập bắn. Sau quá trình người dân phục dựng “chui” do ban đầu chính quyền địa phương chưa ủng hộ, công trình được hoàn thành vào năm 1989. Công trình sau đó trở nên nổi tiếng, và được hợp thức hóa qua việc nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2014. Đây là một trường hợp mà sự hợp thức đạt được sau khi công trình được phục dựng xong.

Như vậy, tái tạo không gian thiêng có thể coi như một quá trình được cấu thành từ ba nhóm hoạt động chính, bao gồm: (i) tái tạo trên phương diện ý nghĩa, giá trị và chức năng; (ii) tái tạo trên phương diện cấu trúc vật chất và giao diện; (iii) tìm kiếm sự thừa nhận, hợp thức hóa cho những tái tạo

đó. Ba nhóm hoạt động này, không nhất thiết luôn diễn ra theo trình tự, nhưng có mối liên hệ chặt chẽ, vừa phụ thuộc và bổ trợ cho nhau.

3. Kết luận

Các không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng đã và đang trải qua quá trình tái tạo với sự tham gia của các nhân tố nhà nước và phi nhà nước. Có thể nói, tái tạo không gian thiêng là quá trình kết hợp sự đổi mới trong cả tư duy và hành động khi cư dân khu vực này thực hiện hàng loạt các hoạt động làm biến đổi không gian thiêng, nhằm thích ứng không gian đó với nhu cầu về niềm tin và thực hành tôn giáo của mình trong bối cảnh sống hiện tại. Sự tái tạo này là kết quả của sự định nghĩa lại, đồng thời là tái cấu trúc các yếu tố cơ bản liên quan và thuộc về không gian thiêng, do đó nó cần được xem là kết hợp đồng thời những phương thức tác động đến không gian ấy cả từ phương diện vật chất về mặt cấu trúc và giao diện, cả về phương diện ý nghĩa, giá trị và chức năng. Trong khi những thay đổi đối với phương diện vật chất thường dễ quan sát, những thay đổi đối với ý nghĩa, giá trị, và chức năng thường ngấm ẩn bên trong. Tuy thế, những thay đổi ngấm ẩn ấy có thể quan sát ở việc xem xét lại và khẳng định những lớp ý nghĩa, giá trị cũ và mới mà người ta gán cho không gian thiêng cũng như những chức năng mà người ta kỳ vọng ở không gian đó cần có trong bối cảnh mới.

Hơn nữa, tái tạo không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng diễn ra đồng thời trên hai bình diện. Ở bình diện thứ nhất, đã diễn ra sự sắp xếp lại không gian thiêng tổng thể

thông qua hồ sơ hóa, di sản hóa và hệ thống hóa các không gian thiêng; phục hồi và nâng cấp các không gian thiêng trọng điểm; xây dựng các không gian thiêng mới. Đây là sự tái tạo ở tầm mức vĩ mô, với vai trò của nhà nước mang tính quyết định. Ở mức độ vi mô, quá trình tái tạo không gian thiêng diễn ra do kết quả thay đổi từ quan niệm dẫn đến hành động nhằm sắp xếp và bài trí lại hệ thống tượng thờ và đồ thờ; nâng cấp giao diện bên trong và bên ngoài; mở rộng không gian chính hoặc không gian phụ trợ. Tổng thể sự tái tạo bên trong và bên ngoài thường mang lại một hình thức mới mẻ cho một không gian thiêng cụ thể, tới mức nó chắc chắn đã khác với phiên bản từng biết trước đây.

Đồng thời, tái tạo không gian thiêng hướng tới sự thừa nhận của cộng đồng tại chỗ nói riêng và sự thừa nhận dưới hình thức hợp thức hóa sự tái tạo ấy bởi chính quyền nói chung. Về cơ bản, sự thừa nhận và hợp thức hóa diễn ra thuận lợi với biến đổi không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng, điều này cũng phản ánh quan niệm khá đồng thuận về tầm quan trọng và vị trí của không gian thiêng trong không gian cư trú của người dân. Sau cùng, tái tạo không gian thiêng diễn ra cùng với các quá trình rộng lớn hơn diễn ra trong đời sống văn hóa nói chung và tôn giáo, tâm linh nói riêng ở Việt Nam trong những thập niên gần đây. Phân tích về tái tạo không gian thiêng sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích về biến đổi của đời sống tâm linh, tôn giáo của cư dân vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh mới, đặc trưng bởi tính hiện đại, sự lớn mạnh của các thiết chế thể tục, quá trình đô thị hóa và toàn cầu hóa về văn hóa.

Chú thích

² Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 603.05-2018.302.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Văn Chung (2020), “Những yếu tố tác động đến “không gian thiêng” thuộc tôn giáo truyền thống ở đồng bằng sông Hồng”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11.
- [2] Lương Văn Hy, Trương Huyền Chi (2012), “Thương thảo đề tái lập và sáng tạo “truyền thống”: Tiến trình tái cấu trúc lễ hội cộng đồng tại một làng Bắc Bộ”, trong: *Những thành tựu nghiên cứu bước đầu của khoa Nhân học*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [3] Chung Van Hoang (2017), *New religions and state's response to religious diversification in contemporary Vietnam*, Springer.
- [4] Eric Hobsbawm (1983), "Introduction: The invention of tradition": Eric Hobsbawm and Terence Ranger (eds), *The invention of tradition*, Cambridge University press, Cambridge.
- [5] John Kleinen (1999), *Facing the future, reviving the past: a study of social change in a Northern Vietnamese village*, Institute of Southeast Asian Studies publishing house, Singapore.
- [6] Shaun Kingsley Malarney (2002), *Culture, revolution and ritual in Vietnam*, University of Hawai'i Press, Honolulu.

